TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2017/QĐST-HNGĐ	*Hòa An, ngày 05 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Sào Sùn L; Sinh năm: 1992.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H; Sinh năm: 1991.
Cùng Trú tại: Xóm S, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện H, Cao Bằng. Địa chỉ: Tỉnh lộ 203 thị trấn N, huyện H, Cao Bằng.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Hồng N – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện H, tỉnh Cao Bằng. Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Thế V – Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng A huyện H, Cao Bằng (Văn bản ủy quyền số: 109/GUQ-NHCS ngày 16/8/2018).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 60, 81, 82 và Điều 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/8/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Sào Sùn L; Sinh năm: 1992.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H; Sinh năm: 1991.

Cùng Trú tại: Xóm S, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Sào Sùn L cùng Chị Hoàng Thị H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cho anh Sào Sùn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con Sào Minh Q sinh ngày 04/9/2012, chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con Sào thị K sinh ngày 09/01/2015 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh L chị H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Về Tài sản chung: Anh L và chị H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên bị đơn, người có quyền lợi liên quan Ngân hàng A huyện H cùng thỏa thuận: Món nợ 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) của Ngân A huyện H, Cao Bằng, Anh L và chị H mỗi người chịu trách nhiệm trả 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) tiền gốc + lãi. Chị H có trách nhiệm trả cho phía Ngân hàng A mỗi tháng là 2.000.000đ(Hai triệu đồng) tiền gốc + lãi phát sinh đến khi trả xong, trả qua tài khoản 83081111 tại Ngân B chi nhánh huyện H, Cao Bằng. Anh L chịu trách nhiệm trả nợ theo hạn trên Hợp đồng vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Sào Sùn L và Chị Hoàng Thị H mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, án phí về nghĩa vụ chung của vợ chồng là 525.000đ (Năm trăm hai mươi năm nghìn đồng). Tổng cộng chị H, anh L mỗi người phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) sung quỹ nhà nước. Anh L được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số

AB/2012/02295 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, Cao Bằng, anh L được hoàn lại 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng). Chị H phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm để sung quỹ nhà nước

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

HOÀNG KIM CHI